

Số: /KH-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 5 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án “Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang”

Thực hiện Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 29/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 208/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ); Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp quy định tại Quyết định số 208/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Xác định cụ thể nội dung công việc và trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2050;

- Tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị, địa phương trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Đề án và huy động sự tham gia tích cực của các tổ chức, cá nhân trong việc phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể của Đề án, xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành, sản phẩm dự kiến và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai Quyết định số 208/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; bảo đảm sự phối hợp thực hiện giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan hiệu quả, đúng tiến độ theo kế hoạch và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, phát sinh;

- Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành; Phát huy tiềm năng, thế mạnh và giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng; phát huy giá trị tổng hợp của hệ sinh thái rừng trên cùng một đơn vị diện tích; khai thác giá trị của hệ sinh thái rừng gắn với tạo việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số, người dân ở khu vực có rừng và người làm nghề rừng; bảo tồn, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, tri thức bản địa của cộng đồng các dân tộc thiểu số, góp phần giải quyết các vấn đề về xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên rừng; tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, người dân, người làm nghề rừng và người dân sống gần rừng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống, danh lam thắng cảnh và tri thức bản địa của cộng đồng địa phương; góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh;

2. Mục tiêu cụ thể

- Phát triển bền vững nguồn cung nguyên liệu gỗ thông qua việc tổ chức thâm canh, mở rộng diện tích trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn để đảm bảo chủ động cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ; góp phần nâng cao năng suất, giá trị của rừng trồng và giá trị gia tăng của ngành chế biến gỗ. Phân đầu sản lượng gỗ nguyên liệu khai thác đến 2025 bình quân mỗi năm khai thác trên 1, 0 triệu m³/năm, giai đoạn 2026-2030 bình quân khai thác trên 1,2 triệu m³/năm; 100% gỗ và sản phẩm gỗ có sử dụng nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp, đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.

- Tăng cường các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu cho các loại cây dược liệu, các sản phẩm chế biến từ nguồn nguyên liệu là các loại cây dược liệu. Từng bước hình thành được vùng trồng các loài cây dược liệu như: Ba Kích, Nấm Lim, Sa Nhân, Khôi Nhung..., là sản phẩm hàng hóa tại huyện Sơn Động; đến năm 2030, diện tích trồng cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu đạt khoảng 400 ha.

- Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông, lâm, ngư kết hợp hiệu quả, bền vững trên cơ sở khai thác tiềm năng, lợi thế của từng khu vực trong tỉnh gắn với phát huy có hiệu quả tri thức bản địa nhằm nâng cao giá trị gia tăng từ rừng, tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ; đến năm 2030 giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích canh tác được gia tăng từ 20% trở lên ngoài giá trị gỗ rừng trồng.

- Phát triển dịch vụ môi trường rừng trên cơ sở các quy định của Nhà nước và điều kiện thực tế của tỉnh; đồng thời quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn từ dịch vụ môi trường rừng đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật; triển khai hiệu quả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng và giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh trên địa bàn theo quy định; tổng thu tiền dịch vụ môi trường rừng tăng bình quân 5%/năm.

- Phát triển các hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bền vững, tập trung tại các địa bàn có rừng, có tài nguyên và tiềm năng du lịch. Phát huy tiềm năng, lợi thế, khai thác các giá trị về tài nguyên thiên nhiên,

truyền thống văn hóa, tri thức bản địa; mở rộng các loại hình du lịch, quan tâm phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn gắn với các sản phẩm du lịch văn hóa, lịch sử và tri thức bản địa của cộng đồng địa phương. Bảo tồn, phát huy các giá trị bản sắc văn hóa, phát huy giá trị tài nguyên du lịch và cảnh quan thiên nhiên, môi trường du lịch, nâng cao trình độ dân trí, góp phần xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm cho người lao động, thu hút khách du lịch. Xây dựng thương hiệu du lịch cộng đồng thông qua hình thành và phát triển các điểm du lịch cộng đồng. Phát triển du lịch cộng đồng trở thành loại hình du lịch mũi nhọn, bền vững, làm tiền đề thúc đẩy các loại hình du lịch khác tại tỉnh. Phấn đấu đến 2030 khách du lịch đạt 3 triệu lượt người, trong đó khách lưu trú đạt 2 triệu lượt người. Doanh thu đạt trên 450 tỷ đồng, mức tăng trưởng bình quân đạt 25%/năm. Tổng số lao động trực tiếp đạt trên 5.000 người.

- Nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng; duy trì ổn định diện tích rừng đặc dụng với diện tích 13.510 ha¹; triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động của Chính phủ về bảo tồn các loài động vật rừng nguy cấp, quý hiếm tại Việt Nam tại địa phương.

- Thu hút lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực lâm nghiệp là người dân tộc thiểu số sống ở khu vực có rừng đến năm 2030 chiếm trên 50%; tỷ lệ lao động trong lĩnh vực lâm nghiệp được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật ngày một nâng cao. Nâng cao đời sống của người dân làm nghề rừng, phấn đấu đến năm 2025, mức thu nhập bình quân của người dân tộc làm lâm nghiệp tăng trên 2 lần so với năm 2020, đến năm 2030 mức thu nhập bình quân của người dân tộc làm lâm nghiệp bằng 50% mức bình quân chung của cả tỉnh.

- Đến năm 2030, 100% diện tích rừng của các chủ rừng là tổ chức được quản lý bền vững; giai đoạn 2021 - 2025 có 10% và giai đoạn 2026 - 2030 có 20% diện tích rừng tự nhiên được nâng cấp chất lượng; nâng cao hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học và năng lực phòng hộ của rừng, giảm thiểu tối đa các vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, đảm bảo an ninh môi trường.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1. Phát triển nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp và nâng cao giá trị cho ngành chế biến gỗ:

- Ổn định vùng rừng nguyên liệu tập trung khoảng 80 nghìn ha (chiếm 74% tổng diện tích đất rừng sản xuất) đã được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt²; hàng năm trồng khoảng 8.000-9.000 ha rừng trồng tập trung và khoảng 5- 6 triệu cây phân tán, trong đó diện tích rừng trồng gỗ lớn chiếm 30% diện tích rừng trồng hàng năm;

¹ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050;

² Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 Về việc phê duyệt kết quả “Rà soát, cập nhật, chỉnh sửa bản đồ số hóa các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng; các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Từng bước tăng tỷ trọng nguồn cung nguyên liệu gỗ hợp pháp từ rừng trồng của địa phương cho ngành chế biến gỗ và lâm sản; gỗ rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững hoặc cấp mã số vùng trồng, phù hợp với yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế; lũy kế đến năm 2025, diện tích rừng trồng gỗ lớn đạt 17.000 ha, diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững³ đạt 20.000 ha; đến năm 2025, năng suất bình quân rừng trồng sản xuất đạt khoảng 22 m³/ha/năm, đến năm 2030 đạt 25m³/ha/năm, sản lượng gỗ khai thác đạt 1,0 triệu m³ trở lên, trong đó 40% sản lượng gỗ khai thác rừng trồng được đưa vào chế biến sâu phục vụ xuất khẩu.

1.2. Phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu:

- Thực hiện điều tra, đánh giá, phát triển các loài lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu dưới tán rừng; nắm vững thông tin về các loài quý hiếm có giá trị kinh tế cao: Khu vực phân bố, loài, diện tích, trữ lượng,... từ đó đề xuất kế hoạch bảo tồn, khai thác và sử dụng bền vững theo tiềm năng, thế mạnh của từng sản phẩm, từng điều kiện cụ thể và phát huy tri thức bản địa của cộng đồng, người dân địa phương;

- Đẩy mạnh kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư xây dựng ít nhất 01 nhà máy chế biến sản phẩm hàng hóa thương mại gắn kết với sản xuất nguyên liệu tập trung theo chuỗi giá trị đáp ứng tiêu chuẩn và yêu cầu của thị trường nằm trên địa bàn 1 trong 04 huyện của tỉnh gồm: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam hoặc Yên Thế; đa dạng hóa sản phẩm;

- Liên doanh, liên kết với các đơn vị nghiên cứu khoa học chuyên sâu về lĩnh vực cây dược liệu, nông nghiệp như: Viện Dược liệu, Trường Đại học Dược Hà Nội, Học viện Nông nghiệp Việt Nam... khảo nghiệm, chọn, tạo các giống, loài cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu có năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu, kháng sâu, bệnh hại, phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên của địa phương;

- Phối hợp các địa phương trong vùng như: Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hải Dương, Thái Nguyên... hình thành vùng sản xuất nguyên liệu lâm sản ngoài gỗ, dược liệu tập trung, ưu tiên một số loài cây hiện có diện tích lớn, giá trị kinh tế cao trên đất lâm nghiệp hoặc dưới tán rừng; triển khai thực hiện việc cấp mã số vùng trồng cho các vùng nguyên liệu đối với diện tích đủ điều kiện để đảm bảo truy xuất nguồn gốc theo quy định;

- Nghiên cứu, khảo nghiệm, chọn, tạo, công bố, lưu hành các giống, loài cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu có năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu, kháng sâu, bệnh hại, phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên của từng vùng sinh thái; xây dựng, hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật sản xuất giống, canh tác, chế biến các loài cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu dưới tán rừng, đáp ứng tiêu chuẩn nguyên liệu cho sản xuất gắn với phát triển rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng;

³ Do tổ chức quốc tế FSC hoặc Văn phòng chứng chỉ rừng Việt Nam cấp.

- Từng bước hình thành các vùng sản xuất nguyên liệu lâm sản ngoài gỗ, dược liệu tập trung phù hợp điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, thích hợp với yêu cầu sinh thái của mỗi loài, trong đó ưu tiên một số loài cây hiện có diện tích lớn, giá trị kinh tế cao trên đất lâm nghiệp hoặc dưới tán rừng như: vùng trồng cây ba kích, trà hoa vàng, giao cổ lam, khô, sâm Nam núi Dành,...

- Xây dựng thương hiệu, phát triển sản phẩm ngành nghề thủ công mỹ nghệ gắn với nguyên liệu từ rừng, xây dựng các sản phẩm OCOP về dược liệu, sản phẩm phù hợp với nét đặc trưng về bản sắc văn hóa dân tộc của đồng bào dân tộc thiểu số.

1.3. Phát triển các hình thức nông, lâm, ngư kết hợp:

- Xây dựng các mô hình phát triển kinh tế nông, lâm, ngư kết hợp như: mô hình vườn rừng, trại rừng; nuôi trồng, phát triển cây dược liệu, cây đa mục đích, chăn nuôi, thủy sản dưới tán rừng,... để chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, tài liệu hóa, xây dựng quy trình, hướng dẫn kỹ thuật phổ biến và nhân rộng các mô hình thành công, hiệu quả;

- Tổng kết, đánh giá, các mô hình phát triển kinh tế nông, lâm kết hợp như: mô hình vườn rừng, trại rừng; nuôi trồng, phát triển cây dược liệu, cây đa mục đích, chăn nuôi dưới tán rừng,... để chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, tài liệu hóa, xây dựng quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật phổ biến và nhân rộng các mô hình thành công, hiệu quả.

- Tăng cường thực hiện hợp tác, liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng bền vững, hiệu quả; phát huy trách nhiệm và khuyến khích sự tham gia quản lý rừng và chia sẻ lợi ích của cộng đồng, bảo đảm hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia;

- Lựa chọn các loài cây trồng, vật nuôi có giá trị cao, đa mục đích phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu, thị hiếu của thị trường. Áp dụng các biện pháp canh tác và quản lý chất lượng hiệu quả cây trồng, vật nuôi, thủy sản,... kết hợp dưới tán rừng; sản xuất và thương mại các sản phẩm nông, lâm, thủy sản không gây mất rừng và ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng.

1.4. Phát triển dịch vụ môi trường rừng:

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai chính sách tri trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật; hằng năm tiến hành rà soát, phê duyệt bổ sung đầy đủ, kịp thời các đối tượng có sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 63 Luật Lâm nghiệp năm 2017; tổng thu tiền dịch vụ môi trường rừng đến năm 2025, tăng 20% so với năm 2020.

- Tổ chức điều tra, rà soát cập nhật các lưu vực có cung ứng dịch vụ môi trường rừng và xác định các đối tượng được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; tiến hành chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng được quy định tại khoản 1, Điều 63 Luật Lâm nghiệp năm 2017 đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật;

- Tăng cường quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh nhằm tăng nguồn thu, khuyến khích chủ rừng, hộ gia đình nhận khoán tích cực tham gia công tác quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng; đảm bảo chia sẻ công bằng lợi ích với cộng đồng người dân địa phương;

- Phát huy tối đa các dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng để tạo nguồn thu; đẩy mạnh các nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, khai thác các tiềm năng, các dịch vụ mới để tăng nguồn thu, đặc biệt là dịch vụ du lịch sinh thái.

1.5. Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí:

- Tạo lập môi trường, điều kiện, cơ sở pháp lý ổn định và thuận lợi cho việc tăng cường hợp tác giữa chủ rừng với cộng đồng địa phương, khuyến khích cộng đồng tham gia vào quá trình lập kế hoạch, quản lý du lịch, cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch; phát triển du lịch cộng đồng theo hướng bền vững, đáp ứng nhu cầu du khách; ưu tiên phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và làm đẹp (Wellness Tourism)...; tăng cường kêu gọi đầu tư từng bước hình thành hệ thống khu, điểm du lịch cộng đồng có sự liên kết theo chuỗi các sản phẩm liên ngành, liên kết vùng và quốc gia. Xây dựng thương hiệu du lịch tỉnh Bắc Giang “Thân thiện - Tiện lợi - Tin cậy”;

- Phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch đặc trưng, đặc sắc gắn với giá trị cảnh quan thiên nhiên tại các khu rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan di tích lịch sử, khu bảo tồn và các khu rừng phòng hộ, như: Du lịch tâm linh, văn hóa - lịch sử - kiến trúc, Du lịch MICE, Du lịch sinh thái, trang trại, cây ăn quả, chăm sóc sức khỏe và làm đẹp, Du lịch thông minh và Du lịch ẩm thực. Các sản phẩm du lịch này sẽ được phát triển trên nguyên tắc đồng bộ và có sự liên kết chặt chẽ với nhau và xuất phát từ nhu cầu, mong muốn của cộng đồng và do cộng đồng làm chủ;

- Phát triển các mô hình du lịch sinh thái gắn với các loại hình du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch cộng đồng đối với đồng bào dân tộc, người dân miền núi và người dân sống trong và gần rừng, cụ thể:

+ Tiếp tục hỗ trợ nhân rộng các điểm du lịch cộng đồng tại các huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Việt Yên và Sơn Động; tiếp tục hỗ trợ các điểm du lịch cộng đồng khác;

+ Tập trung phát triển các mô hình du lịch cộng đồng kết hợp với du lịch văn hóa, lịch sử tâm linh; du lịch trang trại nông nghiệp, sinh thái, trải nghiệm (Farmstay); du lịch ẩm thực, mua sắm; du lịch chăm sóc sức khỏe và làm đẹp (Wellness Tourism). Quảng bá rộng rãi các sản phẩm du lịch cộng đồng của tỉnh, thông qua sử dụng công nghệ số trong du lịch (du lịch thông minh);

+ Nâng cấp tổng thể cơ sở vật chất, các dịch vụ gia tăng kèm theo và kéo dài thời gian lưu trú; thúc đẩy chi tiêu của du khách khi tiêu thụ các sản phẩm du lịch cộng đồng tại tỉnh. Hình thành các công ty có điều kiện phát triển du lịch cộng đồng tại địa phương. Tạo việc làm cho người lao động tại các điểm du lịch cộng đồng, tăng nguồn thu nhập cho người dân từ hoạt động du lịch;

- Tiếp tục khảo sát, đánh giá hiện trạng, tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh, định hướng phát triển du lịch cộng đồng trong giai đoạn 2023 - 2030. Nghiên cứu xây dựng sản phẩm du lịch độc đáo mang bản sắc cộng đồng văn hóa Bắc Giang. Tập trung xây dựng sản phẩm du lịch con đường Hoàng Dương Phật Pháp của các Phật tử Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử;

- Khuyến khích doanh nghiệp, người dân đầu tư phát triển du lịch cộng đồng. Thực hiện liên kết giữa người dân và doanh nghiệp trong đầu tư, quản lý và khai thác các sản phẩm du lịch cộng đồng;

- Xây dựng kế hoạch phát triển bộ nhận diện thương hiệu du lịch cộng đồng, gắn với sản phẩm du lịch có thể mạnh. Triển khai thực thi hiệu quả bộ nhận diện thương hiệu các loại ấn phẩm, vật phẩm xúc tiến, các chiến dịch truyền thông. Thực hiện đa dạng hóa các nội dung tuyên truyền, nâng cao nhận thức của xã hội về phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng của địa phương trên các sản phẩm thông tin của các cơ quan thông tấn báo chí trong nước, nước ngoài, các ấn phẩm truyền truyền du lịch của tỉnh. Các hình thức xúc tiến, quảng bá cần xác định đúng đối tượng, xác định rõ nhận thức của từng thị trường và yêu cầu tái định vị thông tin để triển khai hiệu quả, tránh lãng phí;

- Phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch đặc trưng, đặc sắc gắn với giá trị cảnh quan tự nhiên của hệ sinh thái rừng thể hiện được tính kết nối vùng, liên vùng tạo nên các sản phẩm, hoạt động, thương hiệu du lịch gắn với văn hóa truyền thống địa phương, vùng địa lý.

1.6. Thông tin, truyền thông:

Tăng cường thông tin, truyền thông nâng và cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân về phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, cụ thể các hoạt động: Phát triển bền vững nguồn cung nguyên liệu gỗ thông qua việc phát triển trồng rừng gỗ lớn và chuyển hóa rừng trồng kinh doanh gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn; giá trị lâm sản ngoài gỗ, dược liệu; hình thức tổ chức sản xuất nông, lâm, ngư kết hợp hiệu quả, bền vững; dịch vụ môi trường rừng; hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bền vững; công tác bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng. Tăng cường thông tin, quảng bá sản phẩm gỗ từ rừng trồng của tỉnh; sản phẩm ngành nghề thủ công mỹ nghệ gắn với nguyên liệu từ rừng, sản phẩm OCOP về dược liệu; hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong các hệ sinh thái rừng.

2. Giải pháp

2.1. Về cơ chế, chính sách:

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành; Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Lâm nghiệp; Luật Du lịch ngày 19/6/2017; rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về lâm nghiệp; nghiên cứu, xây dựng, triển khai cơ chế chính sách mới về lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh sau khi Chính phủ ban hành Nghị định quy định về Chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản trong lâm nghiệp. Trong đó tiếp tục triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chương trình, đề án, dự án, phương án, kế hoạch đã được phê duyệt (theo phụ lục đính kèm).

- Có cơ chế thúc đẩy và thu hút đầu tư phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch cộng đồng mới trên cơ sở gắn kết chặt chẽ với bảo tồn và phát huy các giá trị tài nguyên văn hóa, lịch sử, cảnh quan và thiên nhiên (cơ chế hỗ trợ về giá điện nước, thuế đất; tạo diễn đàn công-tư để tiếp nhận giải quyết các khó khăn, rào cản trong kinh doanh của doanh nghiệp...). Khuyến khích các doanh nghiệp, cộng đồng và người dân sáng tạo trong việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ du lịch dựa trên những thế mạnh của từng địa phương. Đặc biệt, tập trung khuyến khích các doanh nghiệp, nhà đầu tư kinh doanh du lịch theo hình thức thuê dịch vụ môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái;

- Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong phát triển sản phẩm gỗ, lâm sản ngoài gỗ và dược liệu có lợi thế cạnh tranh, giá trị cao, thân thiện với môi trường, tham gia có hiệu quả vào chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu;

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp (Bảo vệ rừng, phát triển rừng, PCCCR...); hoàn thành đo đạc, lập bản đồ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thuê đất hoặc giao đất cũng như việc rà soát, đo đạc, cắm mốc ranh giới đất giữa các chủ rừng là tổ chức, doanh nghiệp với hộ gia đình, cá nhân; xử lý rút điểm tình trạng chanh chấp, lấn chiếm đất rừng trên địa bàn; tăng cường công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; gắn nhiệm vụ phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế.

2.2. Về quản lý rừng và phát triển vùng nguyên liệu:

- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung theo phương án quản lý rừng bền vững (7/11 chủ rừng là tổ chức) đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; chỉ đạo các chủ rừng là tổ chức, doanh nghiệp lâm nghiệp còn lại hoàn thành việc xây dựng, phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp. Đến 2025, tổng số diện tích rừng thực hiện phương án quản lý rừng bền vững khoảng trên 48.600 ha. Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết hình thành nhóm hộ để xây dựng, thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững; đẩy mạnh mở rộng diện tích cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, nâng diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững đến năm 2025 đạt khoảng 20.000 ha.

- Triển khai hiệu quả quy hoạch lâm nghiệp tích hợp trong quy hoạch tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022, nhất là việc xây dựng, thực hiện phương án chuyển loại rừng; quản lý chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu rừng và đất lâm nghiệp bằng công nghệ viễn thám GIS để thống nhất quản lý; xử lý kiên quyết các vi phạm pháp luật về mua, bán, chuyển nhượng rừng và đất lâm nghiệp trái phép trên địa bàn;

- Bảo vệ phát triển bền vững toàn bộ diện tích rừng hiện có, đặc biệt là diện tích 55.000 ha rừng tự nhiên; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng; giữ ổn định diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ khoảng 32.000 ha;

- Thực hiện các giải pháp, ứng dụng công nghệ mới trong phát triển lâm nghiệp như: sử dụng phần mềm giám sát lửa rừng, biến động rừng và đất lâm nghiệp để theo dõi, phát hiện tình trạng mất rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, diễn biến tài nguyên rừng; nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng sản xuất; thu hút đầu tư xây dựng nhà máy chế biến sâu, công suất lớn, sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu sang thị trường Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản;

- Phát triển vùng rừng trồng cung cấp nguyên liệu tập trung, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn theo Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt kết quả “Rà soát, cập nhật, chỉnh sửa bản đồ số hóa các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng; các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang”;

- Điều tra, rà soát xác định cụ thể: khu vực, loại rừng, diện tích rừng, đối tượng rừng, trạng thái rừng phân theo chủ rừng cần nâng cao chất lượng rừng để xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao chất lượng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh theo Đề án được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 07/02/2024;

- Nâng cao vai trò quản lý nhà nước đối với việc sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp, ưu tiên phát triển giống được sản xuất từ cây mô để trồng rừng sản xuất;

- Đẩy mạnh cơ giới hóa và ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng sản xuất theo hướng tối ưu hóa hệ thống sản xuất và chuỗi giá trị lâm sản nhằm nâng cao giá trị sản xuất, kinh doanh rừng trồng và phát triển lâm nghiệp bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường; gắn kết theo chuỗi từ trồng rừng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm để nâng cao hiệu quả kinh tế tổng hợp trên một đơn vị diện tích;

- Liên doanh, liên kết với các cơ sở đào tạo, đơn vị nghiên cứu khoa học chuyên sâu như: Các viện nghiên cứu, Trường Đại học Lâm nghiệp, Đại học Nông lâm, Viện Dược liệu, Trường Đại học Dược Hà Nội, Học viện Nông nghiệp Việt Nam,... trong và ngoài tỉnh để giúp đào tạo, tập huấn, chuyên gia các kiến thức và khoa học công nghệ mới vào sản xuất; đào tạo lao động phổ thông có đủ năng lực và trình độ chuyên môn đáp ứng được nhu cầu sản xuất, kinh doanh;

- Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao năng lực quản trị và tổ chức sản xuất của các tổ chức sản xuất và chế biến; tăng cường công tác khuyến nông theo hướng chuyên gia kỹ thuật cho hộ nông dân; tổ chức tập huấn, xây dựng các mô hình chuyển giao kỹ thuật; ứng dụng các tiến bộ bề công nghệ thu hoạch và sau thu hoạch. Xây dựng một số trang tin, chuyên mục trên Website để tuyên truyền, phổ biến quy trình kỹ thuật, các nhân tố, mô hình, điển hình tiên tiến để nhân dân áp dụng trong sản xuất;

- Đẩy mạnh xây dựng và đa dạng hóa các mô hình liên kết với bước đi, cách làm cho phù hợp, từ thấp đến cao, trên cơ sở gắn được sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong từng địa bàn, vùng nguyên liệu. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp... liên doanh đầu tư vào phát triển sản xuất, chế biến và

tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn. Tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá sản phẩm (gỗ, lâm sản ngoài gỗ và dược liệu) từng bước xây dựng thương hiệu riêng của tỉnh Bắc Giang.

2.3. Về khoa học và công nghệ:

- Ứng dụng khoa học công nghệ nhằm phát huy tối đa các giá trị của hệ sinh thái rừng, trong đó tập trung ưu tiên các hoạt động nghiên cứu chọn, tạo giống có năng suất, chất lượng cao phục vụ trồng rừng; nghiên cứu hoàn thiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh nhằm tăng năng suất, chất lượng rừng trồng, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, chuyển hóa sang rừng trồng gỗ lớn; nghiên cứu phát triển các loài cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu có giá trị kinh tế cao, gắn với tri thức bản địa của cộng đồng địa phương; nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong quản lý cơ sở dữ liệu, cấp mã số vùng nuôi trồng, truy xuất, xác định nguồn gốc, chế biến và bảo quản lâm sản hợp pháp nhằm đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

- Đào tạo, tập huấn chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và kỹ năng cho người làm nghề rừng, từ đó tăng năng suất lao động, nâng cao giá trị gia tăng trong các khâu trong sản xuất, khai thác, chế biến, bảo quản và thị trường các sản phẩm lâm sản, góp phần nâng cao giá trị, hiệu quả sản xuất của ngành lâm nghiệp

- Đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ, thiết bị nhằm sản xuất ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn của ngành, quốc gia, quốc tế. Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, các bên cùng có lợi.

2.4. Về tổ chức sản xuất:

- Thực hiện việc đánh giá, tổng kết các mô hình về trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa từ rừng trồng kinh doanh gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn; các mô hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, kết hợp với phát triển các sản phẩm đặc sản nhằm phát huy các giá trị văn hóa đặc trưng để nhân rộng các mô hình phù hợp;

- Đến 2030, hoàn thành xong việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty lâm nghiệp theo Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Chính phủ về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

- Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển lâm nghiệp: Khoán bảo vệ rừng, trồng rừng gỗ lớn, trồng cây dược liệu dưới tán rừng, hỗ trợ làm giàu rừng..., đặc biệt là đối với diện tích rừng tự nhiên cho các chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình và cá nhân theo quy định của pháp luật lâm nghiệp;

- Tiếp tục duy trì, phát triển và nâng cao phát triển du lịch cộng đồng để gắn liền công tác quản lý, bảo vệ rừng với lợi ích của người dân và chính quyền địa phương. Trong đó, tập trung tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 – 2030; Đề án phát triển du lịch cộng đồng giai đoạn 2022-2030 được UBND tỉnh phê duyệt

tại Quyết định số 2859/ QĐ-UBND ngày 31/12/2021; Đề án “Phục dựng Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử, giai đoạn 2023-2030” được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 23/11/2023.

- Tiếp tục hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc xây dựng và thực hiện các quy ước, hương ước bảo vệ, phát triển rừng ở các thôn, bản, tổ dân phố;

- Xây dựng thương hiệu, phát triển sản phẩm ngành nghề thủ công mỹ nghệ gắn với nguyên liệu từ rừng, xây dựng các sản phẩm OCOP về dược liệu, sản phẩm phù hợp với nét đặc trưng về bản sắc văn hóa dân tộc của đồng bào dân tộc thiểu số;

- Tiếp tục hướng dẫn các địa phương (UBND cấp huyện, cấp xã) thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao theo quy định, trong đó có chỉ tiêu “*Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn*”;

- Tăng cường liên kết với các địa phương lân cận (*Quảng Ninh, Lạng sơn, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Nguyên...*) trong phát triển kinh tế lâm nghiệp, phát triển làng nghề, đầu tư kết cấu hạ tầng để khai thác tổng hợp các giá trị của rừng.

2.5. Về đào tạo, tập huấn, tuyên truyền và nâng cao năng lực:

- Mỗi năm tổ chức ít nhất 04 hội nghị tuyên truyền, hướng dẫn các chủ rừng sử dụng giống có năng suất, chất lượng cao, áp dụng biện pháp trồng rừng thâm canh gỗ lớn, gỗ có chứng nhận quản lý rừng bền vững, mã số vùng trồng (*Mỗi huyện 01 hội nghị: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế*);

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực cho lực lượng chức năng trong kiểm tra, kiểm soát, truy xuất nguồn gốc lâm sản; tăng cường năng lực cho các bên liên quan, đặc biệt là chủ rừng, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân và các hộ nhận khoán bảo vệ rừng về quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng;

- Hàng năm, mỗi huyện tổ chức ít nhất 01 hội nghị tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật nuôi trồng, chăm sóc cây trồng, vật nuôi nhằm phát triển các mô hình kinh tế nông, lâm, ngư kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong các hệ sinh thái rừng gắn với duy trì, phát triển tri thức, văn hóa bản địa của cộng đồng địa phương.;

- Vận dụng các cơ chế, chính sách của Trung ương quy định đối với hỗ trợ đào tạo nghề để hỗ trợ hiệu quả cho nhân lực du lịch như: Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; các Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ học nghề thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo và hỗ trợ học phí học văn hóa cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh;

- Phát triển thương hiệu sản phẩm; giới thiệu thông tin về chính sách, khoa học, kỹ thuật, thị trường trong nước và quốc tế của các sản phẩm gỗ, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu, du lịch và các dịch vụ môi trường rừng.

2.6. Về hợp tác quốc tế:

- Tăng cường tiếp cận, hợp tác quốc tế theo các cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước về huy động nguồn lực tài chính từ khu vực tư nhân, hợp tác công tư cho phát triển rừng gỗ lớn, phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu, quản lý rừng bền vững, phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương;

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án, sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế trong việc xây dựng và phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nông, lâm, thủy sản không gây mất rừng và suy thoái rừng tại địa phương; phù hợp với các tiêu chuẩn và hệ thống chứng nhận sản phẩm nhằm đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

3. Nguồn kinh phí

Đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang:

- Nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thông qua thực hiện cơ chế lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và các Chương trình, đề án, dự án, kế hoạch khác; nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành.

- Nguồn xã hội hóa; nguồn vốn tự có, huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đầu tư theo quy định của pháp luật.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các Sở, ngành

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch với nội dung thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và các chương trình, đề án, dự án có liên quan theo quy định;

- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt các nhiệm vụ triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, khả thi, đúng mục tiêu và theo quy định; tổng hợp kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước được giao hàng năm, gửi Sở Tài chính để trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức hướng dẫn, giám sát, đôn đốc, kiểm tra, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện định kỳ 5 năm và khi kết thúc giai đoạn; kịp thời đề xuất, kiến nghị trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền phù hợp với điều kiện thực tiễn;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện nội dung hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện Kế hoạch này bảo đảm có hiệu quả, đúng quy định.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bố trí các nguồn vốn đầu tư phát triển để thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định liên quan.

c) Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định liên quan;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện kế hoạch này.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện việc đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ rừng; rà soát ranh giới, xử lý các trường hợp chồng lấn diện tích đất đai để bảo đảm sử dụng đất ổn định, lâu dài, đúng mục đích theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về đa dạng sinh học; hướng dẫn triển khai chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức về đa dạng sinh học ở cấp huyện, cấp xã; xây dựng chương trình, nhiệm vụ dự án quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học thuộc trách nhiệm của Sở; lồng ghép, gắn kết các nội dung quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học trong quá trình thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án, đề án bảo vệ môi trường. Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn về bảo vệ môi trường tại các khu, điểm du lịch và các làng nghề đảm bảo sự phát triển du lịch một cách bền vững.

đ) Sở Công Thương: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện các hoạt động đối với các sản phẩm từ gỗ và lâm sản ngoài gỗ, dược liệu theo quy định.

e) Sở Y tế

- Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị với Bộ Y tế hỗ trợ tỉnh thu hút các tổ chức, cá nhân có tiềm lực, kinh nghiệm nuôi trồng, canh tác, chế biến, tiêu thụ dược liệu trong môi trường rừng; thu hút, đầu tư xây dựng các nhà máy sơ chế, chế biến dược liệu hiện đại, đạt tiêu chuẩn GMP; các nhà máy chiết xuất dược liệu hiện đại, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO hoặc tương đương;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch, thực hiện dự án rà soát bổ sung danh mục loài dược liệu có giá trị y tế và kinh tế để bổ sung vào danh mục các loài dược liệu có thể phát triển và tập trung đầu tư;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất với cấp có thẩm quyền nghiên cứu, bổ sung, xây dựng quy trình, hướng dẫn kỹ thuật về nuôi trồng, phát triển các loài dược liệu quý, hiếm, có giá trị kinh tế cao tại địa phương trong môi trường rừng theo tiêu chuẩn GACP - WHO đảm bảo phát triển bền vững để triển khai thực hiện hiệu quả, đúng quy định, phát huy tiềm năng của địa phương;

- Lập kế hoạch triển khai hoạt động tổ chức thu thập thông tin và cập nhật đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Y tế danh sách các cơ sở, địa điểm nuôi trồng, thu hái, khai thác dược liệu tại địa phương;

- Quản lý chất lượng dược liệu theo quy chuẩn kỹ thuật;

- Chủ trì, phối hợp với các ban ngành chức năng liên quan trên địa bàn tỉnh trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện GACP tại các cơ sở trồng trọt, thu hái, chế biến dược liệu hoạt động trên địa bàn tỉnh có hồ sơ công bố sản xuất dược liệu theo GACP.

g) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện Đề án phát triển du lịch cộng đồng đã được phê duyệt. Kêu gọi đầu tư vào các dự án phát triển du lịch cộng đồng;

- Hỗ trợ một số cơ sở vật chất, các thiết bị phục vụ cho hoạt động du lịch cộng đồng như: Chăn, ga, gối, đệm, màn, rèm... hỗ trợ đóng thuyền, phao cứu sinh, áo phao cho người dân tham gia du lịch cộng đồng khu vực hồ Cẩm Sơn, huyện Lục Ngạn và các hợp tác xã có hoạt động du lịch trên hồ;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã thực hiện việc tiếp thị để quảng bá các hoạt động du lịch sinh thái và trải nghiệm du lịch trong rừng trên địa bàn tỉnh;

- Hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch có nguồn gốc từ rừng gắn với nét văn hóa cổ truyền của người dân.

h) Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã bố trí lồng ghép các nguồn lực từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các chương trình, đề án, dự án có liên quan để thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

i) Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thông tin, tuyên truyền nội dung Quyết định 208/QĐ-TTg ngày 29/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và nội dung kế hoạch này trên các phương tiện thông tin đại chúng từ tỉnh đến cơ sở.

k) Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ khoa học - công nghệ phù hợp với các mục tiêu, nội dung của Kế hoạch thuộc trách nhiệm quản lý.

l) Các sở, ban ngành, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ, đơn vị có trách nhiệm triển khai hoặc phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tổ chức thực hiện có hiệu quả nội dung kế hoạch này.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

- Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư và khuyến khích đầu tư theo thẩm quyền và quy định của pháp luật đảm bảo hiệu quả, khả thi, đúng mục tiêu và quy định của pháp luật. Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí kinh phí thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định.

- Chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức đối với các xã, phường, thị trấn, các ngành và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn về vai trò của việc phát triển, quản lý sử dụng bền vững các giá trị của hệ sinh thái rừng; phổ biến, khuyến khích người dân, các thành phần kinh tế trên địa bàn tham gia thực hiện kế hoạch phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Trên cơ sở các các chương trình, dự án của tỉnh, xây dựng các chương trình, dự án cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để tổ chức triển khai thực hiện.

- Tổ chức giám sát, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện hằng năm, sơ kết 3 - 5 năm và tổng kết thực hiện kế hoạch phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn; trước 10/12 hàng năm báo cáo kết quả triển khai, thực hiện qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Yêu cầu các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN, TN, MT, TKCT;
 - + Công TTĐT tỉnh, TTTT;
 - + Lưu: VT, NN Thăng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁ TRỊ ĐA DỤNG CỦA HỆ SINH THÁI RỪNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2050 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan đơn vị chủ trì	Cơ quan đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I	Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)					
1	Đề án hỗ trợ cấp Chứng chỉ quản lý rừng bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2030, và được phê duyệt điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định 765/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở NN&PTNT	Sở Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục nam Yên Thế	2021	2021-2030	Đang thực hiện
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang	Sở NN&PTNT	Sở Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện, TP, thị xã	2021	2021-2024	Đang thực hiện
3	Đề án nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn khu vực Hồ Cẩm Sơn	Sở NN&PTNT	Sở Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND huyện Lục Ngạn	2021	2021-2025	Đang thực hiện
4	Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội 04 xã vùng lòng hồ Cẩm Sơn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025	UBND huyện Lục Ngạn	Sở NN&PTNT, Sở Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND huyện Lục Ngạn	2021	2021-2025	Đang thực hiện
5	Kế hoạch số 4679/KH-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh về phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025;	Sở NN&PTNT	Sở Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện, TP, thị xã	2021	2021-2025	Đang thực hiện

6	Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021 - 2025, và được phê duyệt tại Kế hoạch số 266/KH-UBND ngày 27/4/2022 của UBND tỉnh;	Sở NN&PTNT	Sở Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện, TP, thị xã	2021	2021-2025	Đang thực hiện
7	Kế hoạch số 685/KH-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh về cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025;	Sở NN&PTNT	Sở Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện, TP, thị xã	2021	2021-2025	Đang thực hiện
8	Kế hoạch số 229/KH-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh về thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sở NN&PTNT	Sở Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện, TP, thị xã	2022	2021-2025	Đang thực hiện
9	Đề án “Phát triển huyện Yên Thế trở thành Trung tâm sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp của tỉnh Bắc Giang” được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2916/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	Sở NN&PTNT	Sở Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND huyện Yên Thế	2021	2021-2030	
10	Các Phương án quản lý rừng bền vững của các Tổ chức, Doanh nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt	Sở NN&PTNT	Sở Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế		2021-2025	Đang thực hiện
11	Đề án Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí Trong rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2030 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1255/QĐ-UBND ngày 27/8/2023	Sở NN&PTNT	Sở Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện: Sơn Động, Lục Nam	2023	2022-2030	Đang thực hiện

12	Kế hoạch số 132/KH- UBND ngày 01/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025	Sở NN&PTNT	Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện, thành phố, thị xã	2023	2023-2025	Đang thực hiện
13	Kế hoạch trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa rừng trồng kinh doanh gỗ nhỏ sang gỗ lớn	Sở NN&PTNT	Sở Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế	2023	2024-2025	Đang thực hiện
14	Dự án: Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sở NN&PTNT	Sở Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, Thông tin truyền thông, UBND các huyện, thành phố, thị xã	2023	2023-2025	Đang thực hiện
15	Kế hoạch nâng cao chất lượng rừng của các chủ rừng theo Quyết định 171/QĐ-TTg ngày 07/02/2024 của Thủ tướng chính phủ	Sở NN&PTNT	Sở Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế	2024	2025-2030	
16	Dự án nâng cao năng lực PCCCR; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2026-2030	Sở NN&PTNT	Sở Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện, thành phố, thị xã	2024-2025	2026-2030	
17	Dự án khảo sát, điều tra và định khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sở NN&PTNT	Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố, thị xã	2024	Hàng năm	
18	Kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2026-2030	Sở NN&PTNT	Sở Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện, thành phố, thị xã	2025	2026-2030	
19	Phương án quản lý rừng bền vững của các Tổ chức, Doanh nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt	Sở NN&PTNT	Sở Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện, thành phố, thị xã	2025	2026-2030	
20	Kế hoạch điều tra xác định hiện trạng rừng	Sở NN&PTNT	Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố, thị xã	2024	2025-2030	

II Chương trình mục tiêu quốc gia (Ban dân tộc tỉnh)						
1	Kế hoạch số 379/KH-UBND ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;	Ban dân tộc	Sở NN&PTNT, Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện, TP, thị xã	2022	2021-2025	Đang thực hiện
2	Kế hoạch số 08/KH UBND ngày 20/01/2024 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang năm 2024;	Ban dân tộc	Sở NN&PTNT, Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện, TP, thị xã	2024	2024	Đang thực hiện
III Lĩnh vực Văn hóa, thể thao và du lịch (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)						
1	Đề án phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở NN&PTNT, Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện, thành phố, thị xã	2021	2022-2030	Đang thực hiện
2	Đề án “Phục dựng Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử, giai đoạn 2023-2030” được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở NN&PTNT, Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam	2023	2023-2030	Đang thực hiện
3	Kế hoạch thực hiện Đề án “Phục dựng Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử, giai đoạn 2023-2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở NN&PTNT, Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam	2024	2023-2030	
IV Lĩnh vực tài nguyên và môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường)						
1	Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở NN&PTNT, Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện, thành phố, thị xã	2024		

V	Lĩnh vực khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)					
1	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, sử dụng chế phẩm MF1 xây dựng mô hình rừng trồng gỗ lớn Thông Caribê (<i>Pinus caribaea</i> Morelet) tại huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND huyện Yên Dũng - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021	6/2021-6/2024	Đang thực hiện
2	Ứng dụng khoa học và công nghệ để sản xuất keo nhiệt rắn MUF E1.M13 chất lượng cao dùng cho sản xuất ván gỗ dán đáp ứng nhu cầu xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND huyện Lạng Giang	2022	02/2022 - 8/2024	Đang thực hiện
3	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình trồng Trà trà phục vụ chiết xuất tinh dầu tại tỉnh Bắc Giang	Sở Khoa học và Công nghệ	- UBND huyện Yên Thế, Yên Dũng - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2023	02-2023-02/2026	Đang thực hiện
4	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình trồng, chế biến và tiêu thụ Giảo cổ lam 5 lá, Khôi theo tiêu chuẩn GACP-WHO trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sở Khoa học và Công nghệ	- UBND huyện Sơn Động - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024	3/2024-3/2027	
5	Ứng dụng phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật, nhân hom, chiết, ghép, giâm ngọn... để nhân nhanh một số đối tượng cây lâm nghiệp bản địa. Ứng dụng khoa học và công nghệ trong bảo tồn và phát triển các giống cây lâm nghiệp, các loại lâm sản ngoài gỗ, dược liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - UBND các huyện, thành phố, thị xã - Các viện nghiên cứu, trường đại học	Hàng năm	Hàng năm	Đang thực hiện
6	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong phục tráng, bảo tồn nguồn gen; công nghệ tế bào, công nghệ vi nhân giống. Tiếp nhận và làm chủ các Quy trình ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất giống, chế phẩm sinh học, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, vắc xin, xử lý môi trường trong các lĩnh vực nông, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - UBND các huyện, thành phố, thị xã - Các viện nghiên cứu, trường đại học	Hàng năm	Hàng năm	Đang thực hiện

7	Xây dựng thương hiệu, nghiên cứu phát triển, hoàn thiện các quy trình công nghệ, ứng dụng khoa học và công nghệ trong chế biến các sản phẩm nông nghiệp, tạo chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm bền vững; nâng cao giá trị và thương hiệu các sản phẩm OCOP của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - UBND các huyện, thành phố, thị xã - Các viện nghiên cứu, trường đại học	Hàng năm	Hàng năm	Đang thực hiện
VI	Lĩnh vực Y Tế (Sở Y tế)					
1	Dự án Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tại huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Sở Y tế	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - UBND huyện Sơn Động	2020	2021-2021	Đang thực hiện